

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 7 năm 2022

V/v “*Tranh chấp về xác định
mẹ con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc “*Tranh chấp về xác định mẹ con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1982. Cư trú: Thôn BT, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954. Cư trú: Thôn BT, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958. Cư trú: Thôn C, xã LP, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là anh Hà Văn C trình bày:

Bố mẹ đẻ anh là ông Hà Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Th. Ông Kh và bà Th kết hôn năm 1981, đến năm 1982 thì sinh ra anh. Năm 1984, ông Kh và bà Th ly hôn, ông Kh nuôi dưỡng anh. Sau đó ông Kh kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Theo

các giấy tờ tùy thân của anh thì năm 1994, gia đình mới đi khai sinh cho anh, do không hiểu biết nên tại mục người mẹ đã khai thì mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Đ. Về mặt pháp lý thì bà Đàm là mẹ đẻ của anh. Anh và bà Th đã đi làm xét nghiệm ADN, theo kết quả xét nghiệm cho thấy giữa anh với bà Nguyễn Thị Th có quan hệ huyết thống mẹ con. Nay anh yêu cầu Tòa án tuyên giữa anh với bà Nguyễn Thị Đ không phải là mẹ con, đồng thời công nhận quan hệ mẹ con giữa anh với bà Nguyễn Thị Th.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Năm 1984, bà kết hôn với ông Hà Ngọc Kh. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng ông Kh. Lúc đó ông Kh có một người con riêng với người vợ trước (bà Nguyễn Thị Th) là anh Hà Văn C. Năm 1994, thì gia đình mới đi đăng ký khai sinh cho anh C, do không hiểu biết về pháp luật nên đã khai sinh tại mục người mẹ là bà (Nguyễn Thị Đ). Như vậy về mặt pháp lý thì bà là mẹ đẻ của anh C. Theo kết quả xét nghiệm ADN cho thấy giữa bà Nguyễn Thị Th và anh Hà Văn C có quan hệ huyết thống mẹ con.

Nay anh C yêu cầu Tòa án tuyên giữa bà với anh Hà Văn C không phải là mẹ con, đồng thời công nhận quan hệ mẹ con giữa bà Nguyễn Thị Th với anh Hà Văn C thì bà đồng ý.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Năm 1981, bà kết hôn với ông Hà Ngọc Kh. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng ông Kh. Năm 1982, thì bà và ông Kh sinh được một con chung là anh Hà Văn C. Năm 1984 thì bà và ông Kh ly hôn, sau khi ly hôn thì ông Kh là người trực tiếp nuôi dưỡng anh Hà Văn C. Theo bà được biết thì đến năm 1994, thì gia đình mới đi đăng ký khai sinh cho anh C, do không hiểu biết về pháp luật nên đã khai sinh tại mục người mẹ là bà Nguyễn Thị Đ. Như vậy về mặt pháp lý thì bà Đàm là mẹ đẻ của anh C. Bà và anh C có đi làm xét nghiệm ADN, theo kết quả xét nghiệm ADN cho thấy giữa bà và anh Hà Văn C có quan hệ huyết thống mẹ con.

Nay anh C yêu cầu Tòa án tuyên giữa bà Nguyễn Thị Đ với anh Hà Văn C không phải là mẹ con, đồng thời công nhận quan hệ mẹ con giữa bà với anh Hà Văn C thì bà đồng ý.

* Theo kết luận giám định số 644.VCJ/22ADN ngày 13/4/2022 của Công ty cổ phần công nghệ y tế VIETCARE kết luận: “Nguyễn Thị Th có quan hệ huyết thống mẹ- con với Hà Văn C, độ tin cậy > 99,9999%”

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 101, khoản 3 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xác định bà Nguyễn Thị Đ không phải là mẹ đẻ của anh Hà Văn C.

2. Xác định bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh Hà Văn C.

3. Về án phí:

+ Miễn tiền án phí DSST cho bà Nguyễn Thị Đ vì là người cao tuổi.

+ Hoàn trả anh Hà Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Hà Văn C, bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo qui định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định được ông Hà Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị Th kết hôn năm 1981. Ông Kh và bà Th có một con chung là anh Hà Văn C, sinh năm 1982. Năm 1984 thì ông Kh và bà Th ly hôn, sau khi ly hôn, ông Kh nuôi dưỡng con chung là anh Hà Văn C. Sau khi ly hôn với bà Th, ông Kh kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Gia đình đi làm khai sinh cho anh C, tại mục người mẹ của giấy khai sinh đã khai mẹ của anh C là bà Nguyễn Thị Đ. Như vậy, về mặt pháp lý thì bà Đàm là mẹ đẻ của anh C. Anh C và bà Th đã đi xét nghiệm quan hệ huyết thống ADN, kết quả xác định bà Th là mẹ đẻ của anh C.

Nay anh C yêu cầu xác định bà Nguyễn Thị Đ không phải là mẹ đẻ của anh và xác định bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí DSST nhưng được miễn vì là người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Xác định bà Nguyễn Thị Đ không phải là mẹ đẻ của anh Hà Văn C.

2. Xác định bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ của anh Hà Văn C.

3, Về án phí:

+ Miễn án phí DSST cho bà Nguyễn Thị Đ.

+ Hoàn trả anh Hà Văn C tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008055 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã ĐB, h. Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Chuyên

Đã ký